

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2022/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 09 tháng 12 năm 2022

### **NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 2723/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 156/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết là UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Mẫu hồ sơ: Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo *Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

c) Trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 4. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

1. Nội dung hỗ trợ: Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 3; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

3. Trình tự thủ tục lựa chọn dự án, lựa chọn đơn vị đặt hàng: Thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế thuộc: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban Dân tộc.
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Niên**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND  
ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai)*

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Dự án/ phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

UBND CẤP XÃ.....  
Thôn/Làng.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm, tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/làng..... tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

**1. Thành phần tham dự:** (ghi rõ họ tên, chức danh người chủ trì, thư ký cuộc họp); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia).

- Đại diện UBND cấp xã:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

- Thôn, làng:

Ông/Bà:.....Chức vụ: Trưởng thôn/làng (chủ trì cuộc họp).

Ông/Bà:.....(Thư ký cuộc họp).

Tổng số hộ dân...../.....hộ dân tham gia.

**2. Nội dung cuộc họp:**

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án.

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có).

- Thành lập tổ/ nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với thôn làng chưa có tổ/nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên. (Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/nhóm cộng đồng).....tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông bà.....- Tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ nhóm cộng đồng.....gồm.....thành viên, có danh sách cụ thể như sau:

### 3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

STT	Tên thành viên tham gia dự án	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công cách mạng, hộ khác)	Số căn cước công dân/ngày cấp/nơi cấp	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi nhận

Cuộc họp kết thúc vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

**Thư ký**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện tổ/  
nhóm cộng  
đồng**  
**Tổ trưởng/  
trưởng nhóm**  
(ký, ghi rõ họ  
tên)

**Đại diện UBND  
cấp xã**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì**  
(Trưởng thôn/  
làng)  
(ký, ghi rõ họ tên)

**TÊN TỔ/ NHÓM  
CỘNG ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

- 1. Đại diện tổ/nhóm cộng đồng:.....
- Họ và tên:.....
- Chức vụ:.....
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....Fax.....Email:.....
- Tài khoản:....., tại Ngân hàng:.....

2. Sơ lược về tình hình chung của nhóm, tổ hợp tác (quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên, các đối tượng tham gia, số hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo).....

3. Tổng quan về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.....

4. Mục tiêu dự án:.....

5. Thời gian, địa điểm thực hiện:.....

6. Hình thức, tỷ lệ quay vòng vốn (nếu có) .....

7. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của các bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách).....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CỦA PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện:.....
- Quy mô thực hiện:.....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi thực hiện:.....
- Hình thức thực hiện:.....



- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia thực hiện (cần thể hiện bằng các hợp đồng kinh tế):.....

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

**III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ (*ngân sách Nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách*).  
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia nhóm hộ, tổ hợp tác (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm nếu có).

**IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị phối hợp:  
.....  
.....

Hiệu quả về mặt xã hội, kinh tế, môi trường:  
.....  
.....

Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật; hình thức, mức quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có)

**V. CAM KẾT THỰC HIỆN**

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực:.....

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

**VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  
.....  
.....

**VII. KIẾN NGHỊ**  
.....  
.....

**UBND CẤP XÃ.....**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN TỔ/NHÓM  
CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết là UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 3. Nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hồ trợ: Nội dung hồ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Mẫu hồ sơ: Mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện theo *Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

a) Nội dung hồ trợ: Thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

c) Trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 4. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 01, 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

2. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

**Điều 5. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Áp dụng chung đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

1. Nội dung hỗ trợ: Điều kiện thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 3; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

3. Trình tự thủ tục lựa chọn dự án, lựa chọn đơn vị đặt hàng: Thực hiện theo khoản 2, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan có chức năng giám sát tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế thuộc: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban Dân tộc.
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Niên**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND  
ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Gia Lai)*

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Dự án/ phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

UBND CẤP XÃ.....  
Thôn/Làng.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm, tại.....(ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/làng..... tổ chức họp để:.....(nêu mục đích cuộc họp).

**1. Thành phần tham dự:** (ghi rõ họ tên, chức danh người chủ trì, thư ký cuộc họp); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia).

- Đại diện UBND cấp xã:

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

Ông/Bà:.....Chức vụ:.....

- Thôn, làng:

Ông/Bà:.....Chức vụ: Trưởng thôn/làng (chủ trì cuộc họp).

Ông/Bà:.....(Thư ký cuộc họp).

Tổng số hộ dân...../.....hộ dân tham gia.

**2. Nội dung cuộc họp:**

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án.

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có).

- Thành lập tổ/ nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với thôn làng chưa có tổ/nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên. (Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/nhóm cộng đồng).....tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông bà.....- Tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ nhóm cộng đồng.....gồm.....thành viên, có danh sách cụ thể như sau:

### 3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

STT	Tên thành viên tham gia dự án	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công cách mạng, hộ khác)	Số căn cước công dân/ngày cấp/nơi cấp	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Kinh phí đề nghị hỗ trợ (triệu đồng)	Đối ứng của hộ (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi nhận

Cuộc họp kết thúc vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm....., nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

**Thư ký**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện tổ/  
nhóm cộng  
đồng**  
**Tổ trưởng/  
trưởng nhóm**  
(ký, ghi rõ họ  
tên)

**Đại diện UBND  
cấp xã**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì**  
(Trưởng thôn/  
làng)  
(ký, ghi rõ họ tên)

**TÊN TỔ/ NHÓM  
CỘNG ĐỒNG**

**Mẫu số 02**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

.....  
.....

---

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Đại diện tổ/nhóm cộng đồng:.....

- Họ và tên:.....

- Chức vụ:.....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....Fax.....Email:.....

- Tài khoản:....., tại Ngân hàng:.....

2. Sơ lược về tình hình chung của nhóm, tổ hợp tác (quá trình thành lập, tình hình kinh tế của các thành viên, các đối tượng tham gia, số hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo).....

.....

3. Tổng quan về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng.....

4. Mục tiêu dự án:.....

5. Thời gian, địa điểm thực hiện:.....

6. Hình thức, tỷ lệ quay vòng vốn (nếu có) .....

7. Tổng kinh phí, cơ cấu nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của các bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách).....

.....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CỦA PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện:.....

- Quy mô thực hiện:.....

- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi thực hiện:.....

- Hình thức thực hiện:.....



- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia thực hiện (cần thể hiện bằng các hợp đồng kinh tế):.....

- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

**III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ (*ngân sách Nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách*).  
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia nhóm hộ, tổ hợp tác (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm nếu có).

**IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả đạt được theo năm ngân sách và thời điểm kết thúc; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị phối hợp:  
.....  
.....

Hiệu quả về mặt xã hội, kinh tế, môi trường:  
.....  
.....

Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật; hình thức, mức quay vòng vốn trong cộng đồng (nếu có)

**V. CAM KẾT THỰC HIỆN**

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung của Kế hoạch theo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực:.....

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):.....

**VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  
.....  
.....

**VII. KIẾN NGHỊ**  
.....  
.....

**UBND CẤP XÃ.....**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN TỔ/NHÓM  
CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên)